TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 478/2026/DS-PT
Ngày: 18-3-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Toại

Các Thẩm phán: Bà Mai Trần Cảnh

Ông Hoàng Bích Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Phụng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 18/3/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai Vụ án thụ lý số: 1347/2025/TLPT-DS ngày 01/12/2025, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 694/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 999/2026/QĐ-PT ngày 26/02/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng H2; trụ sở: Tòa nhà N Hoàng Đạo T, phường Y (phường T, quận C cũ), Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: 27-29-31 T, phường B (Phường C, Quận A cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đăng Trường G, sinh năm: 1986; địa chỉ liên lạc: 5.15 Lô B, phường A (Phường I, Quận E cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền số 472/GUQ-CNHCM ngày 01/8/2024); có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1961; địa chỉ: Căn hộ A (tầng I), chung cư P, số C P, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986;

Địa chỉ: Căn hộ A (tầng I), chung cư P, số C P, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt tại phiên tòa.

- Bà Đoàn Thị Thu H1, sinh năm: 1994;

Địa chỉ: Căn hộ A (tầng I), chung cư P, số C P, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị Thu H1: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986; địa chỉ: Căn hộ A (tầng I), chung cư P, số C P, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền lập tại Văn phòng C1 ngày 16/3/2026); có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng H2 và các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Đăng Trường G trình bày:*

Ngân hàng H2 (sau đây gọi tắt là C Bank) và bà Nguyễn Thị H đã ký kết các Hợp đồng tín dụng cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số THTC172080/HĐTD ngày 12/10/2017, nội dung: Số tiền vay: 1.420.000.000 đồng; mục đích vay: Mua nhà; Thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất trong hạn: 10.8%/năm (có điều chỉnh theo kỳ); lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền trên cho bà H tại Giấy nhận nợ ngày 13/10/2017.

2. Hợp đồng cho vay số THTCTP190070/HĐCV ngày 09/9/2019, nội dung: Số tiền vay là 200.000.000 đồng; mục đích vay: Sửa nhà và mua sắm nội thất; thời hạn cho vay: 60 tháng; lãi suất: 12%/năm (có điều chỉnh theo kỳ); lãi quá hạn = 150% lãi suất trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Ngân hàng đã giải ngân đủ số tiền trên cho bà H tại Giấy nhận nợ ngày 09/9/2019.

Để bảo đảm cho các khoản vay trên, bà H và C Bank đã ký kết Hợp đồng thế chấp tài sản số THTC172080/HĐTC ngày 12/10/2017, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 11-2, tờ bản đồ số 74 (BĐĐC-2005); địa chỉ: Căn hộ A (tầng I), chung cư P, số C P, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH01837 ngày 31/10/2011 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H ngày 18/9/2013.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, bà Nguyễn Thị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. C Bank đã nhiều lần thông báo, làm việc, đôn đốc bà H trả nợ nhưng bà H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Do đó, C Bank khởi kiện bà Nguyễn Thị H, đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả ngay một lần cho C Bank toàn bộ số nợ của Hợp đồng cho vay số THTC172080/HĐTD ngày 12/10/2017 và Hợp đồng cho vay số THTCTP190070/HĐCV ngày 09/9/2019, tạm tính đến ngày 30/7/2025 là: 1.877.046.274 đồng (gồm nợ gốc: 1.110.000.000 đồng, nợ lãi: 767.046.274 đồng).

- Kể từ ngày 31/7/2025, bà Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục thanh toán lãi phát sinh theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi trả hết nợ cho C Bank.

- Trường hợp bà Nguyễn Thị H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì C Bank được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản số THTC172080/HĐTC ngày 12/10/2017 để thu hồi nợ vay.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị H vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập nhiều lần nên không ghi nhận được ý kiến.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1 vắng mặt không lý do dù đã được triệu tập hợp lệ nên không ghi nhận được ý kiến.*

** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 694/2025/DS-ST ngày 19/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh đã xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng H2. Buộc bà Nguyễn Thị H phải trả cho Ngân hàng H2 số tiền tính đến ngày 19/9/2025 là: 1.904.173.664 đồng (gồm nợ gốc: 1.110.000.000 đồng, lãi trong hạn: 407.581.010 đồng, lãi quá hạn: 386.592.654 đồng), thực hiện một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về tiền lãi chậm thi hành án, án phí, việc yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 16/10/2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1 - nộp đơn kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm với các lý do:

- Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng vì đã xét xử vắng mặt bị đơn khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T đã có đơn xin hoãn phiên tòa để mời luật sư.

- Việc tống đạt bản án không đúng quy định, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1.

** Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Ông Nguyễn Văn T với tư cách cá nhân và là người đại diện theo ủy quyền của bà Đoàn Thị Thu H1 trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - C Bank - đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử và về nội dung như sau:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: từ khi thụ lý vụ án tới thời điểm này, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Về việc giải quyết vụ án dân sự, qua kết quả tranh tụng tại phiên toà, các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết là có căn cứ, đúng quy định. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 694/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo:

Ngày 19/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm và ban hành bản án số 694/2025/DS-ST. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1 vắng mặt tại phiên tòa. Ngày 16/10/2025, ông T và bà H1 nhận được bản án sơ thẩm nêu trên và có đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, thì kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1 còn trong thời hạn luật định, hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét, giải quyết.

[2] Xét các nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1:

[2.1] Về tố tụng:

[2.2.1] Ông T, bà H1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng vì đã xét xử vắng mặt bị đơn trong khi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T đã có đơn xin hoãn phiên tòa để mời luật sư.

- Căn cứ Công văn số 4810/QLXNC-Đ1 ngày 28/3/2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an Thành phố H, thì lần xuất cảnh gần nhất của bà

Nguyễn Thị H là ngày 22/02/2024 qua cửa khẩu quốc tế T1, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn - bà Nguyễn Thị H - theo đúng địa chỉ mà các bên đã ký kết trong các hợp đồng tín dụng. Bị đơn thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 , nên được coi là cố tình giấu địa chỉ, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung là đúng quy định.

- Căn cứ kết quả trả lời xác minh ngày 28/5/2025 của Công an P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Tại địa chỉ căn hộ A (Tầng I) Chung cư P, P, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh có bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T (con trai bà H) và bà Đoàn Thị Thu H1 cư trú.

- Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý, giải quyết từ ngày 01/11/2024. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1 tại địa chỉ nơi cư trú là Căn hộ A (Tầng I) Chung cư P đến Tòa án để trình bày ý kiến, giải quyết vụ kiện. Tuy nhiên, căn hộ thường xuyên đóng cửa, không có người ở nhà nên Tòa án cấp sơ thẩm đã lập biên bản về việc không tiến hành tống đạt được và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định trước khi đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 173, khoản 5 Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Mặt khác, căn cứ các tài liệu gửi kèm theo "Đơn xin hoãn phiên làm việc" ngày 19/9/2025 của ông Nguyễn Văn T, thể hiện ông đã nhận được Giấy triệu tập ngày 20/5/2025 đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Giấy triệu tập tham gia phiên xét xử sơ thẩm vào ngày 19/9/2025. Ông T xin hoãn phiên xét xử sơ thẩm ngày 19/9/2025 với lý do cần thời gian để nguyên đơn làm thủ tục ủy quyền và mời luật sư tham gia bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp trong vụ án. Tuy nhiên, các lý do nêu trên không thuộc trường hợp vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định.

Như vậy, bị đơn bà Nguyễn Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị Thu H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do, nên Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2.2] Ông T, bà H1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tống đạt bản án không đúng quy định, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông, bà.

Xét thấy, do bị đơn bà Nguyễn Thị H cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị Thu H1 vắng mặt tại phiên xét xử sơ thẩm ngày 19/9/2025 và các đương sự trên thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã lập thủ tục niêm yết theo quy định bản án sơ thẩm đối với bà H, ông T và bà H1 tại địa chỉ cư trú là Căn hộ A3 (tầng I), chung cư P, số C P, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ

Chí Minh là đúng quy định tại các Điều 173, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Đồng thời, sau khi nhận được bản án sơ thẩm, ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1 có đơn kháng cáo và đã được Tòa án thụ lý xem xét theo thủ tục phúc thẩm, nên quyền và lợi ích hợp pháp của ông T, bà H1 vẫn được đảm bảo.

[3.1] Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1.1] Yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng:

- Căn cứ Hợp đồng cho vay số THTC172080/HĐTD ngày 12/10/2017 và Hợp đồng cho vay số THTCTP190070/HĐCV ngày 09/9/2019 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn bà Nguyễn Thị H, thì nguyên đơn đã giải ngân cho bà H số tiền 1.420.000.000 đồng vào ngày 12/10/2017 và số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 09/9/2019. Hợp đồng tín dụng nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện, việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp quy định tại các Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

- Do bị đơn bà Nguyễn Thị H vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên trước khi khởi kiện, C Bank có liên hệ và gửi cho bà H:

+ Thông báo của Ngân hàng H2 ngày 03/01/2023 về việc trả gốc, lãi đến hạn;

+ Thông báo của Ngân hàng H2 ngày 08/02/2023 và ngày 08/03/2023 về việc chuyển nhóm nợ quá hạn;

+ Thông báo của Ngân hàng H2 ngày 13/11/2023 về việc chậm trả gốc, lãi và xử lý tài sản thế chấp;

+ Thông báo của Ngân hàng H2 về việc khởi kiện để thu hồi nợ ngày 28/9/2023 và ngày 18/7/2024.

Do bà H thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, nên tất cả các thông báo trên, ông Nguyễn Văn T - con trai bà H - đều là người đại diện nhận thay bà H. Đồng thời, tại các Biên bản làm việc với C Bank ngày 10/02/2023 và ngày 30/5/2023, ông Nguyễn Văn T còn cam kết trả nợ thay cho bà H toàn bộ dư nợ gốc, lãi trong vòng 03 tháng. Tuy nhiên, đến ngày 07/8/2024, C Bank khởi kiện bà H ra Tòa án thì bà H và ông T vẫn chưa thực hiện việc thanh toán khoản vay cho C Bank.

Do đó, C Bank khởi kiện và Tòa án cấp sơ thẩm xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn C Bank, buộc bị đơn bà Nguyễn Thị H phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày xét xử 19/9/2025 là 1.904.173.664 đồng (gồm nợ gốc: 1.110.000.000 đồng, lãi trong hạn: 407.581.010 đồng, lãi quá hạn: 386.592.654 đồng), thanh toán một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, đúng theo nội dung các bên đã thỏa thuận.

[3.1.2] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

- Căn cứ Hợp đồng thế chấp tài sản số THTC172080/HĐTC ngày 12/10/2017, có đăng ký giao dịch bảo đảm, tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng

đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 11-2, tờ bản đồ số 74 (BĐĐC-2005), địa chỉ: Căn hộ A (tầng I), chung cư P, số C P, phường T (Phường A, quận T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH01837 ngày 31/10/2011 do Ủy ban nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị H ngày 18/9/2013.

- Xét hợp đồng thế chấp nêu trên được ký kết trên cơ sở tự nguyện để đảm bảo cho khoản vay 1.420.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay năm 2017. Đối với khoản vay 200.000.000 đồng theo Hợp đồng cho vay năm 2019, tuy các bên không tiếp tục ký riêng hợp đồng thế chấp tài sản mới nhưng tại Điều 11 của Hợp đồng cho vay năm 2019 thể hiện tài sản bảo đảm cho khoản vay này là Căn hộ A3 (tầng 9), chung cư P, số C P, phường T (tên cũ: Phường A, quận T). Đồng thời, tại khoản 2 Điều 1 Hợp đồng thế chấp tài sản số THTC172080/HĐTC ngày 12/10/2017 có thể hiện nội dung: "Bên thế chấp đồng ý dùng toàn bộ tài sản thế chấp được mô tả tại Điều 2 Hợp đồng này để bảo đảm thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của HĐCV số THTC172080/HĐTD ngày 12/10/2017 và nghĩa vụ phát sinh trong tương lai theo toàn bộ các Hợp đồng cấp tín dụng gồm: Hợp đồng cho vay, Hợp đồng cấp bảo lãnh đã và sẽ ký giữa Ngân hàng với Bên thế chấp trong giới hạn số tiền tối đa không vượt quá giá trị tài sản thế chấp…nhưng không giới hạn các nghĩa vụ: nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt quá hạn, phí, khoản phạt, khoản bồi thường (nếu có)".

- Do đó, trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ Hợp đồng cho vay số THTC172080/HĐTD ngày 12/10/2017 và Hợp đồng cho vay số THTCTP190070/HĐCV ngày 09/9/2019, thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định tại các Điều 299, 317, 322 và Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nợ gốc, nợ lãi là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận, nên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025).

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T và bà Đoàn Thị Thu H1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 694/2025/DS-ST ngày 19/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị Thu H1 phải chịu án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông Nguyễn Văn T, bà Đoàn Thị Thu H1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0028238 ngày 20/10/2025 và số 00032346 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Những quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- Tòa Phúc thẩm TAND tối cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- TAND khu vực 4, TP. HCM;
- Phòng THADS khu vực 4, TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu (NTP/20).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Công Toại